



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ BẢN TIN THAN TUẦN 2 - THÁNG 10

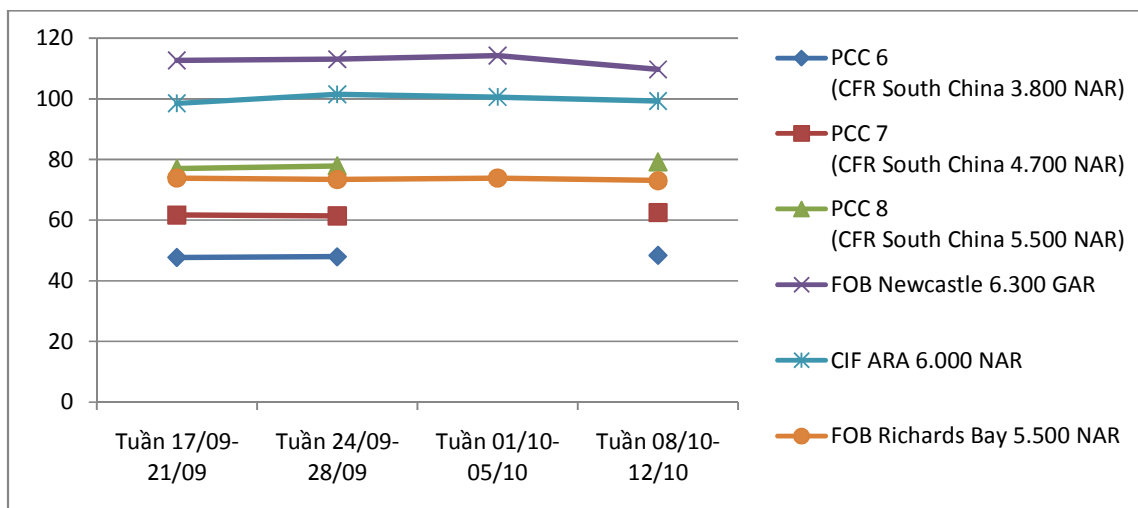
(Từ 08/10 – 12/10)

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá	Tuần 17/09-21/09	Tuần 24/09-28/09	Tuần 01/10-05/10	Tuần 08/10-12/10
PCC 6 (CFR South China 3,800 NAR)	47,71	47,91	N/A	48,38
PCC 7 (CFR South China 4,700 NAR)	61,66	61,39	N/A	62,45
PCC 8 (CFR South China 5,500 NAR)	76,90	77,85	N/A	79,16
FOB Newcastle 6,300 GAR	112,58	113,03	114,19	109,62
CIF ARA 6,000 NAR	98,45	101,45	100,54	99,22
FOB Richards Bay 5,500 NAR	73,87	73,36	73,86	73
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	113,01	113,58	N/A	N/A



Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 2 tháng 10 (2018)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

	Cước vận tải tuần 2 tháng 10	08/10	09/10	10/10	11/10	12/10
Tàu Capesize (150,000 tấn)						
1	Úc – Trung Quốc	10,65	10,15	10,25	10,70	11,30
2	Queensland – Nhật Bản	12,35	11,70	11,80	12,35	13,05
3	New South Wales – Hàn Quốc	13,20	12,55	12,65	13,20	13,90
Tàu Panamax (70,000 tấn)						
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	15,25	15,30	15,30	15,30	15,30
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	11,25	11,65	11,65	11,50	11,35
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	15,45	15,50	15,60	15,60	15,60
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	9,50	9,90	9,80	9,65	9,55
5	Úc - Trung Quốc	14,95	15,00	15,00	14,85	14,75
6	Úc - Ấn Độ	16,95	17,00	17,00	16,85	16,60

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

II. ĐIỂM TIN

Lượng than nhập khẩu trong tháng 9 của Việt Nam tăng 106% so với năm ngoái và đạt gần 2 triệu tấn, lượng than xuất khẩu giảm 49%

Việt Nam đã nhập khẩu gần 2 triệu tấn than trong tháng 9, tăng 105,8% so với tháng 9 năm 2017, theo dữ liệu của Hải quan Việt Nam đưa ra vào thứ 3 (16/10). Indonesia là nước cung cấp lượng than lớn nhất cho Việt Nam với 830.791 triệu tấn, tăng 70,1% so với năm ngoái, các nước tiếp theo là Australia và Nga. Trong chín tháng đầu năm, Việt Nam đã nhập khẩu 15,38 triệu tấn than, tăng 47,7% so với năm ngoái, chủ yếu than được nhập khẩu từ Indonesia, Australia và Nga. Trong khi đó, Việt Nam xuất khẩu 111.186 tấn than trong tháng 9, giảm 49,3% so với năm ngoái, chủ yếu sang Philippines, Nhật Bản và Hàn Quốc. Trong giai đoạn tháng 1 đến tháng 9, Việt Nam đã xuất khẩu 1,79 triệu tấn than, tăng 17,9% so với năm ngoái, chủ yếu sang Nhật Bản và Hàn Quốc. Hầu hết lượng than sản xuất trong nước được tiêu thụ nội địa trong các nhà máy điện, xi măng và các ngành công nghiệp khác.

Lượng than nhập khẩu của Việt Nam trong tháng 9

(Đơn vị: tấn)

	Tháng 9/2018	Tháng 9/2017	Thay đổi (So với năm trước)	Tháng 8/2018	Thay đổi (So với tháng trước)
Indonesia	830.791	488.428	70,90%	691.881	20,08%
Australia	592.203	164.816	259,31%	443.381	33,57%
Nga	245.372	198.034	23,90%	241.093	1,77%
Trung Quốc	101.345	62.598	61,90%	108.549	-6,64%
Nhật Bản	5.513	-	-	-	-
Tổng	1.999.361	971.433	105,82%	1.516.250	31,86%

Lượng than nhập khẩu của Việt Nam trong giai đoạn tháng 1-9

(Đơn vị: tấn)

	Tháng 1-9/2018	Tháng 1-9/2017	Thay đổi (So với năm trước)
Indonesia	830.791	488.428	70,90%
Australia	592.203	164.816	259,31%
Nga	245.372	198.034	23,90%
Trung Quốc	101.345	62.598	61,90%
Nhật Bản	5.513	-	-
Tổng	1.999.361	971.433	105,82%

Lượng than xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 9

(Đơn vị: tấn)

	Tháng 9/2018	Tháng 9/2017	Thay đổi (So với năm trước)	Tháng 8/2018	Thay đổi (So với tháng trước)
Philippines	27.291	-	-	-	-
Nhật Bản	25.500	88.926	-71,32%	139.009	-81,66%
Hàn Quốc	21.752	16.475	32,03%	26.082	-16,60%
Ấn Độ	8.500	8.800	-3,41%	-	-
Thái Lan	7.325	37.811	-80,63%	28.708	-74,48%
Đài Loan	5.522	8.246	-33,03%	-	-
Tổng	111.186	219.456	-49,34%	290.252	-61,69%

Lượng than xuất khẩu của Việt Nam trong giai đoạn tháng 1-9

(Đơn vị: tấn)

	Tháng 1-9/2018	Tháng 1-9/2017	Thay đổi (So với năm trước)
Nhật Bản	699.804	731.875	-4,38%
Hàn Quốc	321.399	90.331	255,80%

Thái Lan	153.747	113.360	35,63%
Indonesia	102.979	52.457	96,31%
Ấn Độ	92.190	48.892	88,56%
Malaysia	91.337	160.083	-45,01%
Philippines	27.401	27.494	-0,34%
Đài Loan	24.495	48.590	-49,59%
Lào	22.280	52.858	-57,85%
Tổng	1.793.422	1.521.043	17,91%

(Nguồn: Hải quan Việt Nam)

NTECL, Ấn Độ tìm mua 850.000 tấn than nhập khẩu

Công ty Tamil Nadu Energy Company Limited (NTECL), hay NTECL, đã ban hành một hồ sơ mời thầu mua 850.000 tấn than nhiệt nhập khẩu có xuất xứ bất kỳ cho nhà máy nhiệt điện Vallur của công ty tại Tamil Nadu, miền Nam Ấn Độ. Công ty yêu cầu loại than 5.000 kcal/kg GAR, độ tro 10%, độ ẩm cao nhất 30% và hàm lượng lưu huỳnh 0,8%. Chào hàng phải trên cơ sở CIF. Địa điểm xếp dỡ tại cảng Kamarajar, Ennore, bờ biển miền Đông Ấn Độ. Công ty sẽ không chấp nhận các chào hàng bán lại than đang được dự trữ trong các kho tại Ấn Độ. Gói thầu sẽ kết thúc vào ngày 1/11. NTECL là công ty liên danh giữa NTPC Limited và Tamil Nadu Electricity Board.

Nhu cầu mua than độ tro cao giảm tại thị trường Trung Quốc khiến các than Australia phải chuyển hướng đến Châu Âu và Châu Phi

Theo một chuyên gia phân tích dữ liệu của CFlow, Platts, hoạt động xuất khẩu than nhiệt từ Australia đến thị trường Trung Quốc giảm sút đã khiến các chuyên hàng than không đạt tiêu chuẩn chuyển hướng xa hơn tới các thị trường Châu Âu và thậm chí là Châu Phi. Các diễn biến trên thị trường Trung Quốc đang có ảnh hưởng đến thị trường phía Tây. Khách hàng Ấn Độ có nhu cầu mua than Newcastle, đặc biệt là than 5.500 kcal/kg NAR, và thậm chí thị trường Châu Âu cũng có nhu cầu. Một số chuyên hàng than độ tro cao Australia thậm chí đã được bán sang Ai Cập, một thị trường đang phát triển. Thông tin không chính thức được cung cấp bởi Platts cho thấy đã có một số tàu chở than Newcastle tới những địa điểm mới. Cụ thể, tàu Loch Ness cỡ Panamax chở đầy than đã cập bến và dỡ hàng tại cảng Sudan vào ngày 6/10, tàu này được bổ sung đầy than tại cảng Colombo của Sri Lanka sau khi được xếp than tại cảng Newcastle vào ngày 4/9, dữ liệu của cFlow Platts cho biết.

Than Nam Phi có thể là lựa chọn đầu tiên của các khách hàng Ai Cập, do khoảng cách gần hơn, tuy nhiên giá loại than này đã trở thành vấn đề phải cân nhắc. Giá than Newcastle 5.000 kcal/kg NAR đang thấp hơn so với than Nam Phi 5.500 kcal/kg NAR, cụ thể chênh lệch giữa hai loại than này với cùng điều kiện FOB là 5,50 USD, theo dữ liệu của S&P Global Platts. Với than 5.500 kcal/kg NAR, than Australia độ tro cao đang có giá giao dịch ở mức 67 USD/tấn, điều kiện FOB Newcastle, so với mức giá 72,50 USD/tấn điều kiện FOB Richards Bay. Cước vận chuyển tàu Capesize từ Richards Bay đến Rotterdam ở mức 7,40 USD/tấn, tính ra giá than Nam Phi 5.500 kcal/kg NAR đến Châu Âu vào khoảng 80 USD/tấn. Đối với than Australia 5.500 kcal/kg NAR, giá vận chuyển đến Châu Âu với điều kiện giao hàng CIF ARA không thể cao hơn 80 USD/tấn, do giá than điều kiện FOB Newcastle khá thấp.

(Nguồn: Platts)